

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 15 tháng 05 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	284	5,680,000
Được chi trong ngày					5,680,000
Đã chi trong ngày					5,680,000
1. Dịch vụ					426,000
1	chất đốt		1,500	284	426,000
2. Kho					1,123,600
Ăn chính					1,123,600
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	23.6	365,800
2	Dầu lạc	Kg	120,000	0.7	84,000
3	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.5	37,000
4	Lạc hạt	Kg	80,000	5	400,000
5	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000
6	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.6	37,200
7	Dầu simply	Lít	68,000	2.7	183,600
3. Đi chợ					4,130,400
Ăn chính					4,130,400
1	Khoai lang	Kg	30,000	2	60,000
2	Khoai tây	Kg	15,000	2	30,000
3	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	15,000	3.5	52,500
4	Cà chua	Kg	25,000	2	50,000
5	Bắp cải	Kg	15,000	12	180,000
6	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.2	7,000
7	Chuối tiêu	Quả	1,300	284	369,200
8	Thịt gà ta	Kg	130,000	23.1	3,003,000
9	Gừng tươi	Kg	50,000	0.2	10,000
10	Hành Tăm	Kg	40,000	0.2	8,000
11	Lá chanh	Bó	1,000	0.7	700
12	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
13	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	2.5	325,000
Chênh lệch cuối ngày					0

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo

